

BÁO CÁO

**Tình hình cấp giấy chứng nhận theo Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng
Chính phủ và Nghị quyết số 30/2012/QH-13 của Quốc hội**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1936/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/5/2013 về việc báo cáo tình hình cấp giấy chứng nhận theo Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 30/2012/QH-13 của Quốc hội, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

1. Để triển khai thực hiện đạt hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm cơ bản hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận), UBND tỉnh Bình Định đã ban hành văn bản số 1638/UBND-KTN ngày 09/5/2013 về việc đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận chỉ đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo để cơ bản hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận trong năm 2013 theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg.

2. Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013, UBND tỉnh Bình Định đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 của địa phương như sau:

- Căn bản hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận lần đầu trong năm 2013;
- Tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Tuy Phước và Phù Mỹ (trong khuôn khổ Dự án VLAP) để rút kinh nghiệm triển khai diện rộng. Dự kiến hoàn thành trong năm 2013;
- Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, chính quyền cấp huyện, xã cùng phối hợp chặt chẽ, thực hiện đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung vào các công việc trọng điểm sau đây và cơ bản hoàn thành trong tháng 9/2013:
 - + Rà soát, thống kê đầy đủ số lượng thửa đất tồn đọng cần cấp Giấy chứng nhận theo từng loại đất, nguồn gốc sử dụng đất; giao chỉ tiêu cấp Giấy chứng nhận cho từng huyện, xã và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp phải thực hiện từng quý trong năm 2013;
 - + Tiếp tục cải cách thủ tục cấp Giấy chứng nhận ở địa phương; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định về thủ tục không còn phù hợp;
 - + Chỉ đạo các địa phương bố trí đủ kinh phí để thực hiện cấp Giấy chứng nhận gắn với chỉ tiêu cấp Giấy chứng nhận đã giao;

+ Bổ sung nhân lực, tăng cường trang thiết bị kỹ thuật, bố trí đủ kinh phí cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai, xây dựng và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận của UBND cấp xã và các Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; thanh tra công vụ, phát hiện, xử lý nghiêm những tiêu cực của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến để người sử dụng đất thực hiện đúng trách nhiệm đăng ký đất đai; phản ánh đầy đủ, kịp thời tình hình cấp Giấy chứng nhận ở địa phương.

3. Kết quả đo đạc, chỉnh lý bản đồ, sơ đồ các loại; kết quả cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính:

a) Kết quả đo đạc, chỉnh lý bản đồ:

- Tính đến nay, tổng diện tích đã đo đạc lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Bình Định là: 522.112,24 ha. Trong đó:

+ Tỷ lệ 1/500: 5.094,46 ha;

+ Tỷ lệ 1/1.000: 13.777,21 ha;

+ Tỷ lệ 1/2.000: 97.097,08 ha;

+ Tỷ lệ 1/5.000: 9.577,50 ha;

+ Tỷ lệ 1/10.000: 396.565,99 ha.

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu số 04/BC-DD kèm theo Báo cáo này)

- Dự kiến đến ngày 31/12/2013, hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ đối với các xã, thị trấn thuộc các huyện An Lão, Phù Cát và đo đạc bổ sung, chỉnh lý thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn trong khuôn khổ Dự án VLAP. Khối lượng dự kiến cụ thể như sau:

+ Huyện An Lão: 3.567,63 ha;

+ Huyện Phù Cát: 29.084,19 ha;

+ Huyện Tây Sơn: 90,33 ha.

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu số 06/BC-DD kèm theo Báo cáo này)

b. Kết quả cấp Giấy chứng nhận:

- Tính đến ngày 15/6/2013, tổng số Giấy chứng nhận đã cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định là 775.931 GCN với tổng diện tích là 310.303,00 ha (đạt tỷ lệ 79,51% diện tích cần cấp GCN). Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: 388.245 GCN với diện tích 102.018,75 ha (đạt tỷ lệ 94,67% diện tích cần cấp GCN);

+ Đất lâm nghiệp: 27.969 GCN với diện tích 182.219,93 ha (đạt tỷ lệ 75,32% diện tích cần cấp GCN);

+ Đất ở nông thôn: 253.863 GCN với diện tích 5.869,52 ha (đạt tỷ lệ 93,75% diện tích cần cấp GCN);

+ Đất ở đô thị: 94.782 GCN với diện tích 895,91 ha (đạt tỷ lệ 53,74% diện tích cần cấp GCN);

+ Đất chuyên dùng: 3.562 GCN với diện tích 8.507,29 ha (đạt tỷ lệ 58,86% diện tích cần cấp GCN).

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu số 02/BC-ĐĐ kèm theo Báo cáo này)

- Dự kiến đến ngày 31/12/2013, tổng số Giấy chứng nhận được cấp là 313.737 GCN với tổng diện tích cấp giấy chứng nhận là 29.629,64 ha.

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu số 06/BC-ĐĐ kèm theo Báo cáo này)

4. Nguyên nhân, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị:

a. Nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc:

- Hầu hết các trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận thuộc về các trường hợp không có Giấy tờ về quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất đai không rõ ràng; các trường hợp đang có tranh chấp, khiếu nại, lấn chiếm; thuộc những khu vực chưa được đo đạc bản đồ; hoặc thuộc về những khu vực ở nông thôn do đất đai có giá trị thấp nên ý thức của người sử dụng đất về công tác kê khai, đăng ký và cấp Giấy chứng nhận còn hạn chế; ... nên khó có thể giải quyết dứt điểm trong thời gian ngắn;

- Hệ thống văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế về nhân lực, trang thiết bị máy móc và cơ sở vật chất; lực lượng cán bộ quản lý đất đai ở cấp xã ở nhiều nơi còn yếu và thiếu;

- Công tác cấp Giấy chứng nhận ở một vài địa phương còn chậm, kéo dài do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp;

- Kinh phí đầu tư cho công tác đo đạc, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh và cho công tác chỉnh lý biến động đất đai trên địa bàn tỉnh còn hạn chế;

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại một số huyện, thị xã, thành phố chưa thật sự quyết liệt;

- Một số các Văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai quy định còn chưa cụ thể; do đó, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong điều kiện thực tiễn tại địa phương.

b. Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục thực hiện một cách đồng bộ các nội dung của Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số

3987/BTNMT-TCQLĐĐ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó cần tập trung vào các nội dung sau:

+ Rà soát, thống kê và làm rõ những trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn từng xã, phường, thị trấn; xác định rõ nguyên nhân tồn đọng để kịp thời ban hành các quy định cụ thể để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác cấp Giấy chứng nhận ở địa phương; giao chỉ tiêu kế hoạch cấp Giấy chứng nhận cụ thể đến từng địa bàn cấp huyện, cấp xã và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phải thực hiện trong năm 2013;

+ Nhanh chóng kiện toàn, tăng cường nhân lực, điều kiện làm việc, trang thiết bị cho hệ thống các Văn phòng đăng ký các cấp, đặc biệt là cấp huyện;

+ Tập trung chỉ đạo, đôn đốc thường xuyên đối với những địa phương chậm cấp Giấy chứng nhận;

+ Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách, đảm bảo dành tối thiểu 10% tổng nguồn thu từ tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động.

+ Kiểm tra, rà soát toàn diện về tình hình đo đạc, đăng ký thống kê, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh;

+ Tăng cường cải cách thủ tục cấp Giấy chứng nhận nhằm rút ngắn thời gian thực hiện và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân thực hiện, giám sát;

+ Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ viên chức Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

+ Kiểm tra việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với tất cả các tổ chức đang sử dụng đất, nhất là các dự án phát triển nhà ở tại thành phố Quy Nhơn để xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện kê khai đăng ký đất đai theo quy định; đồng thời xử lý các vướng mắc nhằm hoàn thành việc đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và cấp Giấy chứng nhận cho các đối tượng này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- Tổng cục QLĐĐ;
- CT UBND tỉnh;
- Lưu VT; K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ CẤP CÁC LOẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Báo cáo số: ~~44~~44/BC-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu số 02/BC-DD

STT	Loại đất	Diện tích đất cần cấp theo hiện trạng (ha)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp							Số GCN đã trao cho người được cấp
			Số lượng GCN đã ký			Diện tích đất (ha) ký cấp GCN				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Tổ chức	Hộ gđinh cá nhân		Tổ chức	Hộ gđinh cá nhân	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Nhóm đất nông nghiệp	352.244,31	420.329	193	420.136	286.630,92	140.400,58	146.230,34	443	420.255
1	Đất sản xuất nông nghiệp	107.765,97	388.245	64	388.181	102.018,75	486,98	101.531,77	94,67	388.200
2	Đất lâm nghiệp	241.935,81	27.969	96	27.873	182.219,93	139.215,72	43.004,21	75,32	27.940
3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.054,74	3.234	15	3.219	1.950,92	523,48	1.427,44	94,95	3.234
4	Đất làm muối	175,50	834		834	147,53	0,00	147,53	84,06	834
5	Đất nông nghiệp khác	312,29	47	18	29	293,79	174,40	119,39	94,08	47
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	38.021,63	355.603	6.867	348.736	23.672,07	16.868,06	6.804,01	483	355.374
1	Đất ở tại nông thôn	6.260,63	253.863	49	253.814	5.869,52	1,71	5.867,81	93,75	253.800
2	Đất ở tại đô thị	1.667,11	94.782	106	94.676	895,91	2,87	893,04	53,74	94.700
3	Đất chuyên dùng	14.453,18	3.562	3.445	117	8.507,29	8.486,80	20,49	58,86	3.500
	Trong đó:									
	Đất trụ sở CQ, công trình SNNN	283,18	846	846		173,38	173,38		61,23	845
	Đất Quốc phòng, an ninh	7.339,35	113	113		3.959,16	3.959,16		53,94	113
	Đất SXKD phi nông nghiệp	4.565,72	1.552	1.435	117	3.436,63	3.416,14	20,49	75,27	1.535
	Đất có mục đích công cộng	2.264,93	771	771		768,19	768,19		33,92	771
4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	238,70	95	95		50,77	50,77		21,27	93
5	Đất nghĩa trang	915,00	3	3		0,91	0,91		0,10	3
6	Đất phi nông nghiệp khác	33,83	16	4	12	10,32	8,13	2,19	30,51	14
7	Đất có mặt nước chuyên dùng									